TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **410**/ 2022/DS – ST.
Ngày: 09 - 6 - 2022.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Thái.

2. Bà Lê Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 527/2020/TLST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST - DS ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng T.**

Địa chỉ trụ sở: 54A đường N, quận M, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, Tòa nhà A, số 18 đường C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh T, sinh năm 1983.
(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 18/6/2020).
(Ông T có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Ông Hoàng Mạnh Q**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 40/11 đường H, Phường A, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Q vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Ngân hàng T và quá trình giải quyết vụ án ông Võ Minh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng T và ông Hoàng Mạnh Q đã ký kết Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016 với các nội dung cơ bản như sau:

Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016.

Số tiền vay: 150.000.000 đồng;

Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở;

Thời hạn vay: 48 tháng;

Lãi suất cho vay: 21.5%/năm;

Lãi suất quá hạn: : 150% lãi suất trong hạn;

Phương thức trả nợ : Hàng tháng.

Thực hiện Hợp đồng: Ngày 14/9/2016, Ngân hàng T đã giải ngân cho ông Hoàng Mạnh Q theo hợp đồng cho vay số 1409/2016/HĐCV và Khế ước nhận nợ số: 1409/2016/CVCN số tiền là 150.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Mạnh Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ.

Tạm tính đến hết ngày 04/6/2020, ông Hoàng Mạnh Q còn nợ Ngân hàng T với tổng số tiền là: 257.737.464 (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó:

- Nợ gốc : 137.496.712 đồng.
- Nợ lãi trong hạn : 105.573.151 đồng.
- Nợ lãi quá hạn : 14.667.601 đồng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Hoàng Mạnh Q phải trả cho Ngân hàng T số tiền tạm tính đến ngày 04/6/2020 là 257.737.464 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi bốn) đồng; trong đó: nợ gốc: 137.496.712 đồng; nợ lãi: 105.573.151 đồng; nợ lãi quá hạn: 14.667.601 đồng.

2. Kể từ ngày 05/6/2020, ông Hoàng Mạnh Q còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 1409/2016/HĐCV ngày 14/9/2016, Khế ước nhận nợ số: 1409/2016/CVCN ngày 14/9/2016 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

** Ông Hoàng Mạnh Q là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Mạnh Q phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng tính đến ngày 09/6/2022 số tiền là 346.710.967 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc: 137.496.712 (Một trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai) đồng; Lãi trong hạn: 165.928.479 (Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi chín) đồng; Lãi quá hạn: 43.285.776 (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng. Ông Hoàng Mạnh Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016, tính từ ngày 10/6/2022 đến ngày trả dứt nợ.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phồ Hồ Chí Minh nhận định:

[1].Thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016. Xét đây là

tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng cấp tín dụng của nguyên đơn với khách hàng cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016 ghi rõ bị đơn có địa chỉ thường trú là 40/11 đường H, Phường A, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo phúc đáp của Công an Phường A, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 40/11 đường H, Phường A, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự: nếu phát sinh tranh chấp và các bên không có thỏa thuận khác thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án cấp quận, huyện nơi bị đơn cư trú. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3]. Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[1.4]. Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường A, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.5]. Việc thu thập chứng cứ:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp

cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[2]. Nội dung yêu cầu khởi kiện.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016 được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng T và ông Hoàng Mạnh Q đủ cơ sở để xác định Ngân hàng đã cho ông Q vay số tiền 150.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 405, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng đây là loại hợp đồng theo mẫu được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Mạnh Q đã thanh toán được cho Ngân hàng T số tiền 20.576.100 đồng, trong đó nợ gốc là 12.503.288 đồng và tiền lãi 8.072.812 đồng. Từ ngày 24/4/2018 đến nay ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ. Bị đơn vi phạm các quy định trong hợp đồng tín dụng và đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Xét, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, 92 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc ngân hàng nhà nước và Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Việc ông Hoàng Mạnh Q không thanh toán đầy đủ và đúng hạn nợ gốc, lãi phát sinh theo thoả thuận là đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T, buộc ông Hoàng Mạnh Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ của hợp đồng tín dụng nói trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/6/2022 là 346.710.967 (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc: 137.496.712 (Một trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai) đồng; Lãi trong hạn:165.928.479 (Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi chín) đồng; Lãi quá hạn: 43.285.776 (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng.

[2.3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 346.710.967 (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc: 137.496.712 (Một trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai) đồng; Lãi trong hạn: 165.928.479 (Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi chín) đồng; Lãi quá hạn 43.285.776 (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 17.335.548 đồng (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng do bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 405, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng T.

Buộc ông Hoàng Mạnh Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền là 346.710.967 (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm mười nghìn chín trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 137.496.712 (Một trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai) đồng.

+ Lãi trong hạn: 165.928.479 (Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi chín) đồng.

+ Lãi quá hạn: 43.285.776 (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Mạnh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.335.548 (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.443.000 (Sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0019096 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 1409/2016/HĐCV, ngày 14/9/2016 của Ngân hàng T cho đến khi thanh toán hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Thùy